TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2024
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hướng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ngộ.

Ông Dương Hồng Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Cưng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 111/2024/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2024, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L tự nguyện kết hôn tháng 01/2006, nhưng đến ngày 22/01/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hạnh phúc, đến tháng 3 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị T

và anh L không sống chung từ tháng 3 năm 2023 cho đến nay. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/4/2024, hiện nay Bích T và Trọng K do chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Nay chị T yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung: Chị T yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/4/2014 đến khi thành niên, chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 04/9/2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn đề nghị vắng mặt xét xử.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn L: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tống đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L nhưng anh L không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/4/2014 cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh L không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 14/6/2024, chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn L có nơi cư trú tại ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về xét xử vắng mặt đối với đương sự,: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn

Văn L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 3 Điều 235 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị T và anh L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh L chung sống hạnh phúc đến tháng 3/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên cuộc sống không còn hạnh phúc và vợ chồng không sống chung từ tháng 3/2023.

Xét thấy, từ khi không còn sống chung đến nay, anh L không chủ động gặp chị T để hàn gắn tình cảm, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay hôn nhân của chị T và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chị T và anh L không còn khả năng đoàn tụ. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh L là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có hai con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/4/2014, hiện nay Bích T và Trọng K do chị T đang nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/4/2014 đến khi thành niên. Qua ý kiến trình bày nguyện vọng của con chung Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Trọng K có nguyện vọng sống cùng với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Trọng K cho chị T nuôi dưỡng đến khi thành niên.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của ủy ban thường vụ quốc hội, buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Bích T, sinh ngày 23/11/2006 và Nguyễn Trọng K, sinh ngày 26/4/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Trọng K thành niên. Anh Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Trọng K cho anh L, không ai được cản trở. Anh Nguyễn Văn L không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Nguyễn Thị Bích T và Nguyễn Trọng K của chị Nguyễn Thị T.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004448 ngày 08/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Sóc Trăng, như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Nguyễn Văn L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Chí Hướng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đ, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.